

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 53/2008/NQ-HĐND

Tây Hòa, ngày 03 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ, biện pháp công tác tài chính - ngân sách huyện
6 tháng cuối năm 2008**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương ban hành kèm theo Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Báo cáo số 75/BC-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa về tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, biện pháp công tác tài chính - ngân sách 6 tháng cuối năm 2008; Báo cáo thẩm tra số 85/BCTr-BKTXH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện quyết nghị về nhiệm vụ, biện pháp công tác tài chính - ngân sách 6 tháng cuối năm 2008 như sau:

A. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

1. Tổng thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện đã giao đầu năm: 16.985.000.000 đồng.

2. Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2008: 11.045.000.000 đồng.

3. Điều chỉnh bổ sung tăng dự toán thu: 1.118.000.000 đồng.

4. Dự toán còn lại 6 tháng cuối năm 2008: 7.058.000.000 đồng.

B. Dự toán chi ngân sách huyện:

1. Tổng chi ngân sách huyện theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện đã giao đầu năm: 91.835.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện: 77.934.100.000 đồng;
- Chi ngân sách xã: 13.900.900.000 đồng.

2. Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2008: 51.176.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện: 42.281.300.000 đồng;
- Chi ngân sách xã: 8.894.700.000 đồng.

3. Điều chỉnh bổ sung tăng dự toán chi: 26.497.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện: 22.973.000.000 đồng;
- Chi ngân sách xã: 3.524.000.000 đồng.

4. Dự toán còn lại 6 tháng cuối năm 2008: 67.156.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện: 58.625.800.000 đồng;
- Chi ngân sách xã: 8.530.200.000 đồng;

(Chi tiết có các biểu đính kèm)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số biện pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2008 như sau:

1. Về thu:

Triệt để khai thác các nguồn thu trong các thành phần kinh tế, kiên quyết chống thất thu, thu đúng, thu đủ, thu công bằng và hợp lý, chống tình trạng trốn thuế, ẩn lậu thuế. Đẩy mạnh việc thu nợ đọng; nuôi dưỡng nguồn thu và khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh để phát triển nguồn thu và mức thu.

Mọi nguồn thu ngân sách phải thể hiện đầy đủ, kịp thời vào ngân sách và quản lý chặt chẽ theo quy định của nhà nước.

2. Về chi:

Phân đầu tiết kiệm chi, dựa vào khả năng nguồn thu để chi. Ưu tiên chi vào những nhu cầu cấp thiết, nhằm đạt được những mục tiêu kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Kiểm tra chặt chẽ mọi

khoản chi, chi đúng mục đích, đảm bảo tính hiệu quả về kinh tế - xã hội cho mọi khoản chi.

Mọi khoản chi chỉ thực hiện theo phân bổ ngân sách đã được Hội đồng nhân dân huyện quyết định. Nếu thu không đủ theo dự toán thì xem xét giảm mức chi cho phù hợp, tương ứng với nguồn thu.

Tăng cường công tác kiểm tra xúc tiến nhanh các thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản để sớm giải ngân cho các công trình đã có khối lượng hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ghi vốn thực hiện đầu tư trong năm để đảm bảo khối lượng hoàn thành giải ngân vào cuối năm.

Thực hiện chi ngân sách phải đảm bảo theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Hội đồng nhân dân huyện giao:

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện giữa hai kỳ họp, nếu có gì thay đổi so với dự toán và kế hoạch phân bổ thì phải thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân huyện trước khi điều chỉnh và báo cáo với Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, 02 Ban của Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chặt chẽ các ngành chức năng, địa phương và cơ sở trong việc thực hiện kế hoạch thu, chi.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Tây Hòa khóa IX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhựt

Phụ lục 1
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN 6 THÁNG CUỐI
NĂM 2008

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND huyện giao cả năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Dự toán còn lại 6 tháng cuối năm	Đề nghị bổ sung nguồn thu	Dự toán 6 tháng cuối năm sau điều chỉnh
A	B	1	2	3=1-2	4	5
	Tổng thu NSNN trên địa bàn	16.985,0	11.045,0	5.940,0	1.118,0	7.058,0
A	Thu trong cân đối	10.987,0	7.163,0	3.824,0	0,0	3.824,0
1.	Thuế ngoài quốc doanh	4.440,0	2.714,0	1.726,0		1.726,0
2.	Thu lệ phí trước bạ	312,2	334,0	-21,8		-21,8
3.	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	419,5	225,0	194,5		194,5
4.	Thu thuế nhà đất	323,0	166,0	157,0		157,0
5.	Thu phí, lệ phí	361,0	107,0	254,0		254,0
6.	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	99,3	71,0	28,3		28,3
7.	Thu tiền sử dụng đất	2.040,0	1.141,0	899,0		899,0
8.	Thu tiền thuê đất	20,0	6,0	14,0		14,0
9.	Thu cố định của xã	2.824,0	2.015,0	809,0		809,0
10.	Thu khác ngân sách	148,0	384,0	-236,0		-236,0
B	Các khoản không cân đối	5.998,0	3.882,0	2.116,0	1.118,0	3.234,0
1.	Thu huy động đóng góp tự nguyện	4.030,0	2.395,0	1.635,0	1.118,0	2.753,0
2.	Các khoản không cân đối khác	1.968,0	1.487,0	481,0		481,0

Phụ lục 2
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2008

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán HDND huyện giao cả năm			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm			Mức đề nghị điều chỉnh bổ sung			Dự toán 6 tháng cuối năm sau điều chỉnh bổ sung		
		Ngân sách huyện	Trong đó		Ngân sách huyện	Trong đó		Ngân sách huyện	Trong đó		Ngân sách huyện	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã			
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	11	12	10=11+12	11	12
	Tổng chi	91.835,0	77.934,1	13.900,9	51.176,0	42.281,3	8.894,7	26.497,0	22.973,0	3.524,0	67.156,0	58.625,8	8.530,2
A	Chi trong cân đối	85.837	76.084	9.753	47.837	41.172	6.665	24.921	21.397	3.524	62.921	56.309	6.612
I	Chi đầu tư phát triển	17.700,0	17.700,0		6.638,0	6.052,6	585,4	18.883,3	16.140,3	2.743,0	29.945,3	27.787,7	2.157,6
II	Chi thường xuyên	65.647,0	56.188,0	9.459,0	41.199,0	35.119,3	6.079,7	6.717,4	5.936,4	781,0	31.165,4	27.005,1	4.160,3
1.	Chi an ninh	345,0	150,0	195,0	170,0	116,6	53,4	10,0	10,0		185,0	43,4	141,6
2.	Chi quốc phòng	748,0	416,0	332,0	666,0	410,9	255,1	313,9	212,9	101,0	395,9	218,0	177,9
3.	Chi sự nghiệp giáo dục	37.114,8	36.930,0	184,8	25.807,0	25.721,2	85,8	36,4	36,4		11.344,2	11.245,2	99,0
4.	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	745,3	745,3		475,0	475,0	0,0	0,8	0,8		271,1	271,1	0,0
5.	Chi sự nghiệp y tế	1.170,0	1.170,0		764,0	764,0	0,0	0,0			406,0	406,0	0,0
6.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	545,8	394,8	151,0	224,0	182,8	41,2	40,0	40,0		361,8	252,0	109,8
7.	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	409,5	306,5	103,0	135,0	120,4	14,6	0,0			274,5	186,1	88,4
8.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	336,0	240,0	96,0	112,0	94,6	17,4	0,0			224,0	145,4	78,6
9.	Chi đảm bảo xã hội	1.086,7	720,0	366,7	1.387,0	1.252,3	134,7	1.203,0	1.203,0		902,7	670,7	232,0

STT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND huyện giao cả năm			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm			Mức đề nghị điều chỉnh bổ sung			Dự toán 6 tháng cuối năm sau điều chỉnh bổ sung		
		Ngân sách huyện	Trong đó		Ngân sách huyện	Trong đó		Ngân sách huyện	Trong đó		Ngân sách huyện	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	11	12	10=11+12	11	12
10.	Chi sự nghiệp kinh tế	7.220,0	6.310,0	910,0	1.299,0	1.100,4	198,6	2.563,5	1.883,5	680,0	8.484,5	7.093,1	1.391,4
11.	Chi quản lý hành chính	12.825,6	5.829,8	6.995,8	9.765,0	4.514,0	5.251,0	1.039,0	1.039,0		4.099,6	2.354,8	1.744,8
12.	Chi sự nghiệp môi trường	485,0	408,4	76,6	96,0	90,6	5,4	296,1	296,1		685,1	613,9	71,2
13.	Chi từ vốn sự nghiệp chương trình MTQG	2.312,2	2.312,2		172,0	172,0	0,0	1.214,0	1.214,0		3.354,2	3.354,2	0,0
14.	Chi khác ngân sách	303,1	255,0	48,1	127,0	104,5	22,5	0,7	0,7		176,8	151,2	25,6
III	Dự phòng chi	2.340,0	2.046,1	293,9	0,0			-1.407,7	-1.407,7		932,3	638,4	293,9
IV	Nguồn làm lương	150,0	150	0	0,0			728,0	728		878,0	878,0	0,0
B	Chi ngoài cân đối	5.998,0	1.850,0	4.148,0	3.339,0	1.109,4	2.229,6	1.576,0	1.576,0	0,0	4.235,0	2.316,6	1.918,4
1.	Từ nguồn thu huy động đóng góp	4.148,0		4.148,0	2.789,6	560,0	2.229,6	1.118,0	1.118,0		2.476,4	558,0	1.918,4
2.	Ghi chi từ nguồn khác	1.850,0	1.850,0	0,0	549,4	549,4	0,0	458,0	458,0		1.758,6	1.758,6	0,0

Phụ lục 3
BẢNG KÊ NGUỒN ĐẢM BẢO MỨC ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2008

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	Nguồn đảm bảo bổ sung	26.497,0
I	Dự toán tỉnh giao bổ sung và các khoản năm trước tỉnh chưa cấp	4.242,4
	Kinh phí bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2007 tỉnh chưa cấp	183,0
	Kinh phí hỗ trợ nâng cấp giao thông nông thôn và kiên cố hóa kênh mương năm 2006 tỉnh chưa cấp	1.406,4
	Kinh phí mua lúa giống khắc phục hậu quả lũ lụt năm 2007	115,0
	Kinh phí khắc phục hậu quả lũ lụt năm 2007	1.500,0
	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 24/10/2007 của Chính phủ	1.038,0
II	Chuyển quỹ huy động đóng góp của CBCCC và lực lượng vũ trang huyện để xây dựng đường giao thông nông thôn từ tài khoản tiền gửi vào ngân sách	1.118,0
III	Kinh phí chuyển nguồn chi một số nhiệm vụ chưa thực hiện từ năm 2007 sang năm 2008 để chi	21.136,6
	Kinh phí còn tồn cuối năm 2007 của Văn phòng Huyện ủy chuyển sang năm 2008 thực hiện chi quyết toán	614,0
	Khoản chi tạm ứng vốn đầu tư năm 2007 chuyển sang	1.844,5
	Khoản chi tạm ứng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2007 chuyển sang	150,8
	Số dư dự toán các nhiệm vụ chi năm 2007 chuyển sang	18.527,3
B	Điều chỉnh từ khoản dự phòng chi để bố trí chi	1.407,7

Phụ lục 4
DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2008

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó			Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008	Số dư thu tiền sử dụng đất chưa bố trí sử dụng hết		
	TỔNG CỘNG	17.700,0	17.258,4	16.140,4	13.761,2	1.844,5	534,7	1.118,0	34.958,4
A	CHI TRONG CÂN ĐỐI	17.700,0	16.140,4	16.140,4	13.761,2	1.844,5	534,7	0,0	33.840,4
I	Vốn ngân sách tập trung	5.520,0	3.263,6	3.263,6	2.144,3	1.119,3	0,0	0,0	8.783,6
1.	Quy hoạch	440,0	429,9	429,9	218,8	211,1	0,0	0,0	869,9
1.1	Định vị mốc toạ độ, làm panô công bố quy hoạch	120,0	64,0	64,0	64,0				184,0
1.2	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện đến năm 2020	170,0	19,1	19,1		19,1			189,1
1.3	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Tây Hòa	70,0	160,0	160,0		160,0			230,0
1.4	Quy hoạch nghĩa trang tập trung huyện	50,0	24,0	24,0		24,0			74,0
1.5	Quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải huyện giai đoạn 2008-2020	10,0	0,0	0,0					10,0
1.6	Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2008-2020	10,0	0,0	0,0					10,0
1.7	Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp giai đoạn 2008-2020	10,0	0,0	0,0					10,0
1.8	Quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Phú Thứ		162,8	162,8	154,8	8,0			162,8
2.	Chuẩn bị đầu tư	200,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	200,0
2.1	Dự án khu di tích lịch sử nơi diễn ra Đồng Khởi Hòa Thịnh	160,0	0,0	0,0					160,0

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó			Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008	Số dư thu tiền sử dụng đất chưa bố trí sử dụng hết		
2.2	Nhà truyền thống + Bảo tàng thư viện + Quảng trường	20,0	0,0	0,0					20,0
2.3	Dự án Trung tâm Dạy nghề huyện	20,0	0,0	0,0					20,0
3.	Thực hiện đầu tư	4.880,0	2.833,7	2.833,7	1.925,5	908,2	0,0	0,0	7.713,7
3.1	Đường Hòa Phong-Phú Nhiêu	1.200,0	2.100,1	2.100,1	1.272,8	827,3			3.300,1
3.2	Dự án cầu Bến Mít	1.000,0	149,8	149,8	149,8				1.149,8
3.3	Dự án diêm công nghiệp, TCCN xã Hòa Mỹ Đông	300,0	-300,0	138,1	138,1			-438,1	0,0
3.4	Đường từ cầu xếp Thông-Núi Lá (giai đoạn 2) (tuyến từ ga Hòn Sặc đến trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Đông)	1.100,0	0,0	0,0					1.100,0
3.5	Xây dựng bãi rác huyện	280,0	0,0	0,0					280,0
3.6	Dự án đường vào bãi rác và nghĩa trang huyện	1.000,0	374,2	21,1	21,1			353,1	1.374,2
3.7	Dự án trạm bơm điện Bình Sơn		198,7	198,7	145,9	52,8			198,7
3.8	Láng nhựa 2 bên lề đường Phú Thuận-Mỹ Thành		130,5	130,5	130,5				130,5
3.9	Láng nhựa 2 bên lề đường Phú Thuận -Hòa Thịnh		67,4	67,4	67,4				67,4
3.10	Dự án trụ sở HĐND và UBND huyện		20,2	20,2		20,2			20,2
3.11	Hệ thống chiếu sáng đô thị thị trấn Phú Thứ		85,0	0,0				85,0	85,0
3.12	Dự án cầu suối		7,9	7,9		7,9			7,9
II	Vốn huy động từ quỹ đất đưa vào đầu tư	2.000,0	3.288,0	3.288,0	2.218,7	534,6	534,7	0,0	5.288,0
1.	Chuẩn bị đầu tư	100,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	100,0
1.1	Hỗ trợ xây dựng Trường mầm non Sơn Thành Tây	50,0	0,0	0,0					50,0

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó			Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008	Số dư thu tiền sử dụng đất chưa bố trí sử dụng hết		
1.2	Xây dựng văn phòng Trường mẫu giáo bán công xã Hòa Phú	50,0	0,0	0,0					50,0
2	Thực hiện đầu tư	1.900,0	3.288,0	3.288,0	2.218,7	534,6	534,7	0,0	5.188,0
2.1	Xây dựng văn phòng Trường mẫu giáo Hòa Phong	74,0	8,0	8,0	0,6	7,5			82,0
2.2	Nâng cấp kênh mương và trạm bơm Ngọc Lâm	654,0	160,9	110,9		6,2	104,7	50,0	814,9
2.3	Nâng cấp kênh mương và trạm bơm Lạc Chỉ trên	662,0	160,7	110,7	4,3	6,4	100,0	50,0	822,7
2.4	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Dạy nghề huyện	164,0	0,0	0,0					164,0
2.5	Sửa chữa, nâng cấp kênh mương đập An San	132,0	0,0	0,0					132,0
2.6	Xây dựng phòng truyền thống và 04 phòng học Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng		168,4	168,4	168,4				168,4
2.7	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Hòa Bình 2		576,4	576,4	542,4	34,0			576,4
2.8	Vốn đối ứng trả nợ Trường tiểu học số 2 Hòa Bình 2		268,3	268,3	264,3	4,0			268,3
2.9	Xây dựng mới trụ sở 03 thôn của xã Hòa Bình 2		600,0	600,0	600,0				600,0
2.10	Trả nợ khối lượng tư vấn cầu Bến Củi		66,3	66,3	39,8	26,6			66,3
2.11	Trả nợ khối lượng tư vấn đập Suối Phướng		60,0	60,0	60,0				60,0
2.12	Cắm mốc bổ sung quản lý quy hoạch xây dựng chi tiết thị trấn Phú Thứ		100,0	50,0	50,0			50,0	100,0
2.13	Xây dựng nhà bia ghi tên liệt sĩ xã Hòa Bình 2		400,0	400,0		400,0			400,0
2.14	Quy hoạch chi tiết khu tái định cư thị trấn Phú Thứ		50,0	50,0		50,0			50,0
2.15	Xây dựng 02 phòng học Trường tiểu học số 1 xã Hòa Phong		200,0	200,0			200,0		200,0

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó			Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008	Số dư thu tiền sử dụng đất chưa bố trí sử dụng hết		
2.16	Nâng cấp Trường mẫu giáo bán công xã Hòa Phong		130,0	130,0			130,0		130,0
2.17	Di dời đường dây điện 0,4 đi qua khu đất quy hoạch phân lô chi tiết điểm dân cư thôn Phú Thứ xã Hòa Bình 2		64,0	0,0				64,0	64,0
2.18	Hỗ trợ các xã lập quy hoạch sử dụng đất, bao gồm:	214,0	275,0	489,0	489,0	0,0	0,0	-214,0	489,0
2.18.1	UBND xã Hòa Bình 1	22,0	24,5	46,5	46,5			-22,0	46,5
2.18.2	UBND xã Hòa Phong	22,0	24,5	46,5	46,5			-22,0	46,5
2.18.3	UBND xã Hòa Phú	22,0	24,5	46,5	46,5			-22,0	46,5
2.18.4	UBND xã Sơn Thành Đông	21,0	31,5	52,5	52,5			-21,0	52,5
2.18.5	UBND xã Sơn Thành Tây	21,0	25,5	46,5	46,5			-21,0	46,5
2.18.6	UBND xã Hòa Tân Tây	21,0	31,5	52,5	52,5			-21,0	52,5
2.18.7	UBND xã Hòa Thịnh	21,0	31,5	52,5	52,5			-21,0	52,5
2.18.8	UBND xã Hòa Đông	22,0	24,0	46,0	46,0			-22,0	46,0
2.18.9	UBND xã Hòa Mỹ Đông	21,0	32,0	53,0	53,0			-21,0	53,0
2.18.10	UBND xã Hòa Mỹ Tây	21,0	25,5	46,5	46,5			-21,0	46,5
III	Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu để thực hiện một số nhiệm vụ	8.300,0	9.581,6	9.581,6	9.391,0	190,6	0,0	0,0	17.881,6
1.	Chuẩn bị đầu tư	300,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	300,0
1.1	Quy hoạch chi tiết khu tái định cư thị trấn Phú Thứ	200,0	0,0	0,0					200,0
1.2	Dự án đường ĐT1-2 (theo quy hoạch TT Phú Thứ)	50,0	0,0	0,0					50,0
1.3	Dự án đường NB2-1 (theo quy hoạch TT Phú Thứ)	50,0	0,0	0,0					50,0

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó			Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008	Số dư thu tiền sử dụng đất chưa bố trí sử dụng hết		
2.	Thực hiện đầu tư	8.000,0	9.581,6	9.581,6	9.391,0	190,6	0,0	0,0	17.581,6
2.1	San nền khu trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện	800,0	700,0	700,0	700,0				1.500,0
2.2	San nền khu trụ sở làm việc khối Huyện uỷ	800,0	700,0	700,0	700,0				1.500,0
2.3	San nền và xây dựng kết cấu hạ tầng khu tái định cư thị trấn Phú Thứ	2.500,0	600,0	600,0	600,0				3.100,0
2.4	San nền trụ sở UBND huyện Tây Hòa	0,0	500,0	500,0	500,0				500,0
2.5	San nền mặt bằng hội trường huyện Tây Hòa		500,0	500,0	500,0				500,0
2.6	Dự án đường ĐT1-1 (theo quy hoạch thị trấn Phú Thứ)	200,0	1.947,0	1.947,0	1.947,0				2.147,0
2.7	Dự án đường NB2 (theo quy hoạch thị trấn Phú Thứ)	200,0	1.451,0	1.451,0	1.451,0				1.651,0
2.8	Dự án đường NB2-2 (theo quy hoạch thị trấn Phú Thứ)	200,0	1.424,2	1.424,2	1.424,2				1.624,2
2.9	Dự án trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện	1.000,0	0,0	0,0					1.000,0
2.10	Dự án trụ sở làm việc khối Huyện uỷ	1.000,0	0,0	0,0					1.000,0
2.11	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc của HĐND và UBND xã Sơn Thành Tây	425,0	165,5	165,5	17,4	148,1			590,5
2.12	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc của HĐND và UBND xã Sơn Thành Đông	425,0	34,1	34,1	9,1	25,0			459,1
2.13	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc của HĐND và UBND xã Hòa Bình 1	150,0	250,0	250,0	250,0				400,0
2.14	Dự án di gián dân và PTSX vùng Bến Đá-Suối Phần xã Hòa Mỹ Tây	205,0	-52,5	17,5		17,5		-70,0	152,5
2.15	Dự án di gián dân thôn đá Mài xã Sơn Thành Tây	95,0	70,0	0,0				70,0	165,0

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó			Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008	Số dư thu tiền sử dụng đất chưa bố trí sử dụng hết		
2.16	Các công trình thuộc khu làm việc tạm huyện Tây Hòa		938,1	938,1	938,1				938,1
2.17	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Hòa Bình 2		308,9	308,9	308,9				308,9
2.18	Lắp đặt thiết bị máy điều hoà nhiệt độ		10,2	10,2	10,2				10,2
2.19	Nâng cấp trạm biến áp từ 100KVA lên 160KVA		2,0	2,0	2,0				2,0
2.20	Cấp nước và vệ sinh môi trường Trường tiểu học số 2 xã Hòa Thịnh		9,0	9,0	9,0				9,0
2.21	Cấp nước và vệ sinh môi trường Trường tiểu học Sơn Thành Tây		6,0	6,0	6,0				6,0
2.22	Cấp nước và vệ sinh môi trường Trường cấp 2-3 Sơn Thành		1,0	1,0	1,0				1,0
2.23	Cấp nước và vệ sinh môi trường Trường tiểu học số 1 Hòa Đông		7,0	7,0	7,0				7,0
2.24	Cấp nước và vệ sinh môi trường Trường tiểu học số 2 Hòa Mỹ Đông		10,0	10,0	10,0				10,0
IV	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	1.880,0	7,2	7,2	7,2	0,0	0,0	0,0	1.887,2
1.	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường	1.880,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1.880,0
1.1	Dự án cấp nước xã Sơn Thành Tây	1.000,0	0,0	0,0					1.000,0
1.2	Dự án cấp nước và xây dựng vệ sinh 7 trường tiểu học. Trong đó:	420,0	0,0	0,0					420,0
1.2.1	Trường Tiểu học số 2 Hòa Bình 1	60,0	0,0	0,0					60,0
1.2.2	Trường Tiểu học số 1 Hòa Tân Tây	60,0	0,0	0,0					60,0
1.2.3	Trường Tiểu học số 1 Hòa Phong	60,0	0,0	0,0					60,0
1.2.4	Trường Tiểu học số 2 Hòa Bình 2	60,0	0,0	0,0					60,0

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó			Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008	Số dư thu tiền sử dụng đất chưa bố trí sử dụng hết		
1.2.5	Trường Tiểu học số 1 Hòa Phú	60,0	0,0	0,0					60,0
1.2.6	Trường Tiểu học số 2 Hòa Phú	60,0	0,0	0,0					60,0
1.2.7	Trường Tiểu học số 2 Hòa Mỹ Tây	60,0	0,0	0,0					60,0
1.3	Dự án cấp nước và xây dựng nhà vệ sinh 11 trạm y tế	460,0	0,0	0,0	0,0	0,0			460,0
1.3.1	Trạm y tế xã Hòa Bình 1	41,8	0,0	0,0					41,8
1.3.2	Trạm y tế xã Hòa Bình 2	41,8	0,0	0,0					41,8
1.3.3	Trạm y tế xã Hòa Tân Tây	41,8	0,0	0,0					41,8
1.3.4	Trạm y tế xã Hòa Đông	41,8	0,0	0,0					41,8
1.3.5	Trạm y tế xã Hòa Mỹ Đông	41,8	0,0	0,0					41,8
1.3.6	Trạm y tế xã Hòa Mỹ Tây	41,8	0,0	0,0					41,8
1.3.7	Trạm y tế xã Hòa Thịnh	41,8	0,0	0,0					41,8
1.3.8	Trạm y tế xã Hòa Phong	41,8	0,0	0,0					41,8
1.3.9	Trạm y tế xã Hòa Phú	41,8	0,0	0,0					41,8
1.3.10	Trạm y tế xã Sơn Thành Đông	41,9	0,0	0,0					41,9
1.3.11	Trạm y tế xã Sơn Thành Tây	41,9	0,0	0,0					41,9
2.	Dự án định canh định cư xã Sơn Thành Tây		7,2	7,2	7,2				7,2
B	VỐN CHI NGOÀI CÂN ĐỐI	0,0	1.118,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1.118,0	1.118,0
1.	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Hòa Bình 2; tuyến: từ nhà ông Võ Kim Hoàng đến nhà ông Nguyễn Văn Quy, dài 1.000m		700,0	0,0				700,0	700,0
2.	Vốn huy động đóng góp của CBCC và lực lượng vũ trang huyện để xây dựng đường giao thông nông thôn chưa bố trí		418,0	0,0				418,0	418,0

Phụ lục 5
DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2008

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó		Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008		
	TỔNG VỐN	7.180,0	1.083,1	475,1	324,2	150,8	608,0	8.263,1
I	Vốn sự nghiệp kinh tế	5.280,0	1.063,5	455,5	324,2	131,2	608,0	6.343,5
1	Thuỷ lợi	822,0	192,1	63,1	63,1	0,0	129,0	1.014,1
1.1	Sửa chữa thường xuyên hệ thống An San Phú Hữu Hòa Thịnh	322,0	0,0	0,0				322,0
1.2	Nâng cấp đập tràn Sông Đào Phú Hữu Hòa Thịnh	200,0	0,0	0,0				200,0
1.3	Sửa chữa hệ thống kênh mương trạm bơm Đồng Ngõ	100,0	0,0	0,0				100,0
1.4	Sửa chữa hệ thống kênh mương trạm bơm điện Bình Sơn	100,0	0,0	0,0				100,0
1.5	Hỗ trợ xây dựng đập bồi xứ Đồng Tròn	100,0	0,0	0,0				100,0
1.6	Nâng cấp công lấy nước hồ Suối Hiền		63,1	63,1	63,1			63,1
1.7	Nâng cấp Cầu Bầu sen		129,0	0,0			129,0	129,0
2	Giao thông	1.443,0	20,2	20,2	20,2	0,0	0,0	1.463,2
2.1	Nâng cấp đường vào nhà hát Hòa Bình 2	33,0	0,0	0,0				33,0
2.2	Sửa chữa thường xuyên các tuyến đường huyện quản lý	200,0	16,1	16,1	16,1			216,1
2.3	Sửa chữa các mô cầu: cầu Bàn, cầu Bến Nhiều, cầu Bến Trâu, cầu Cháy, cầu Vạn Lộc, cầu Bến Củi và lan can cầu Phú Thứ	200,0	0,0	0,0				200,0
2.4	Sửa chữa tuyến Mỹ Xuân-trường tiểu học số 2 Hòa Thịnh và tuyến Cảnh Tịnh-Sông Đào	200,0	0,0	0,0				200,0

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó		Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008		
2.5	Nâng cấp lề đường tuyến từ Ga Gò Mâm-giáp thôn Cảnh Phước xã Hòa Tân Đông	250,0	0,0	0,0				250,0
2.6	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường Suối Mâm-Suối Phần	200,0	0,0	0,0				200,0
2.7	Hỗ trợ xây dựng cầu vào nghĩa trang Núi Vải và cầu qua kênh Nam (xã Hòa Phú)	200,0	0,0	0,0				200,0
2.8	Hỗ trợ nâng cấp cầu BTCT qua kênh N6 (xã Hòa Phong)	80,0	0,0	0,0				80,0
2.9	Hỗ trợ xây dựng cầu vào trường tiểu học (xã Hòa Mỹ Đông)	80,0	0,0	0,0				80,0
1.10	Lắp đặt biển báo tên các tuyến đường huyện quản lý		4,1	4,1	4,1			4,1
3	Kiến thiết thị chính	590,0	41,4	126,4	64,4	62,0	-85,0	631,4
3.1	Hỗ trợ nâng cấp trạm địa phòng không 12,7 ly	80,0	105,1	105,1	55,1	50,0		185,1
3.2	Xây dựng công chào báo ranh giới huyện (quy mô 50m/01 panô in lụa)	130,0	0,0	0,0				130,0
3.3	Sửa chữa nhà tổ giác tội phạm	50,0	-50,0	0,0			-50,0	0,0
3.4	Hỗ trợ nâng cấp sân vận động xã Hòa Phong làm nơi sinh hoạt TDTT tạm thời của huyện		21,0	21,0	9,0	12,0		21,0
3.5	Xây dựng cụm Panô “Huyện Tây Hòa kính chào quý khách”		0,4	0,4	0,4			0,4
3.6	Trả nợ khối lượng công trình lưới điện thôn Cảnh Tịnh		2,0	0,0			2,0	2,0
3.7	Sân bóng chuyền huyện		73,0	0,0			73,0	73,0
3.8	Sửa chữa thư viện huyện		40,0	0,0			40,0	40,0
3.9	Xây dựng diêm giết mổ tập trung gia súc	330,0	-150,0	0,0	0,0	0,0	-150,0	180,0
3.9.1	UBND xã Hòa Bình 1	30,0	-30,0	0,0			-30,0	0,0

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó		Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008		
3.9.2	UBND xã Hòa Bình 2	30,0	-30,0	0,0			-30,0	0,0
3.9.3	UBND xã Hòa Tân Tây	30,0	0,0	0,0				30,0
3.9.4	UBND xã Hòa Đông	30,0	0,0	0,0				30,0
3.9.5	UBND xã Hòa Mỹ Đông	30,0	0,0	0,0				30,0
3.9.6	UBND xã Hòa Mỹ Tây	30,0	-30,0	0,0			-30,0	0,0
3.9.7	UBND xã Hòa Thịnh	30,0	0,0	0,0				30,0
3.9.8	UBND xã Hòa Phong	30,0	-30,0	0,0			-30,0	0,0
3.9.9	UBND xã Hòa Phú	30,0	-30,0	0,0			-30,0	0,0
3.9.10	UBND xã Sơn Thành Đông	30,0	0,0	0,0				30,0
3.9.11	UBND xã Sơn Thành Tây	30,0	0,0	0,0				30,0
4	Sự nghiệp khác	2.425,0	809,7	245,7	176,5	69,2	564,0	3.234,7
4.1	Hỗ trợ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia Trường mẫu giáo Hòa Phong	250,0	0,0	0,0				250,0
4.2	Cải tạo 02 phòng làm việc thành phòng thư viện, xây nhà để xe và quét vôi 14 phòng học Trường tiểu học số 2 Hòa Đông	40,0	1,7	1,7		1,7		41,7
4.3	Xây dựng sân bê tông và cải tạo, tu sửa dãy phòng cấp 4 Trường tiểu học số 2 Hòa Tân Tây	40,0	0,0	0,0				40,0
4.4	Xây dựng công, tường rào Trường tiểu học số 1 Sơn Thành Đông	50,0	0,0	0,0				50,0
4.5	Hỗ trợ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia Trường mầm non Hòa Bình 1	250,0	0,0	0,0				250,0
4.6	Hỗ trợ xây dựng 2 phòng học chức năng Trường tiểu học số 1 Hòa Tân Tây	250,0	0,0	0,0				250,0

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó		Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008		
4.7	Hỗ trợ XD 01 phòng thư viện Trường tiểu học số 1 Hòa Đông	250,0	0,0	0,0				250,0
4.8	Hỗ trợ XD 01 phòng thư viện Trường tiểu học số 1 Hòa Mỹ Tây	250,0	0,0	0,0				250,0
4.9	Hỗ trợ trang thiết bị nhà làm việc Công an huyện	300,0	0,0	0,0				300,0
4.10	Hỗ trợ nâng cấp nhà trạm và mua sắm trang thiết bị để xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (xã Hòa Mỹ Đông)	25,0	0,0	0,0				25,0
4.11	Hỗ trợ xây dựng công tường rào, nâng cấp nhà trạm và mua sắm trang thiết bị để xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (xã Hòa Phú)	100,0	0,0	0,0				100,0
4.12	Hỗ trợ nâng cấp nhà trạm và mua sắm trang thiết bị để xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (xã Hòa Đông)	200,0	0,0	0,0				200,0
4.13	Hỗ trợ nâng cấp nhà trạm và mua sắm trang thiết bị để xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (xã Hòa Phong)	200,0	0,0	0,0				200,0
4.14	Hỗ trợ xây dựng nhà bia ghi tên liệt sĩ xã Hòa Bình 2		78,2	78,2	30,2	48,0		78,2
4.15	Xây dựng phòng âm nhạc nghệ thuật Trường mẫu giáo Hòa Phong		2,6	2,6	0,2	2,4		2,6
4.16	Xây dựng bếp 1 chiều Trường mầm non Hòa Bình 1		4,8	4,8	3,0	1,8		4,8
4.17	Xây dựng tường rào Trường tiểu học số 1 Sơn Thành Đông		1,8	1,8		1,8		1,8
4.18	Xây dựng tường rào Trường tiểu học số 2 Hòa Tân Tây		10,5	10,5	5,9	4,5		10,5
4.19	Sửa chữa thư viện huyện		80,0	80,0	80,0			80,0
4.20	Xây dựng sân bê tông và cải tạo, tu sửa dãy phòng học cấp 4 Trường tiểu học số 2 Hòa Tân Tây		3,2	3,2	0,2	3,0		3,2

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó		Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008		
4.21	Xây dựng văn phòng Trường THCS Nguyễn Tất Thành		6,0	6,0		6,0		6,0
4.22	Hỗ trợ xã Hòa Mỹ Đông mua sắm trang thiết bị trạm y tế để xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế		25,0	25,0	25,0			25,0
4.23	Hỗ trợ trang thiết bị nhà làm việc cơ quan Quân sự huyện		300,0	0,0			300,0	300,0
4.24	Hỗ trợ XD văn phòng Trường mầm non bán công Hòa Bình 1		100,0	0,0			100,0	100,0
4.25	Hỗ trợ xây dựng 02 phòng học Trường tiểu học số 1 Hòa Đông		164,0	0,0			164,0	164,0
4.26	Hỗ trợ nâng cấp sân bóng chuyền các xã và khu VHTDTT các xã		0,0	0,0				0,0
4.26.1	UBND xã Sơn Thành Đông		10,0	10,0	10,0			10,0
4.26.2	UBND xã Hòa Mỹ Đông		6,0	6,0	6,0			6,0
4.26.3	UBND xã Hòa Mỹ Tây		6,0	6,0	6,0			6,0
4.26.4	UBND xã Sơn Thành Tây		10,0	10,0	10,0			10,0
4.26.5	Hỗ trợ xây dựng đài truyền thanh các xã	220,0	0,0	0,0	0,0	0,0		220,0
4.26.6	Đài truyền thanh xã Hòa Bình 1	30,0	0,0	0,0				30,0
4.26.7	Đài truyền thanh xã Hòa Bình 2	30,0	0,0	0,0				30,0
4.26.8	Đài truyền thanh xã Hòa Phong	30,0	0,0	0,0				30,0
4.26.9	Đài truyền thanh xã Hòa Đông	35,0	0,0	0,0				35,0
4.26.10	Đài truyền thanh xã Hòa Mỹ Đông	35,0	0,0	0,0				35,0
4.26.11	Đài truyền thanh xã Sơn Thành Đông	30,0	0,0	0,0				30,0
4.26.12	Đài truyền thanh xã Hòa Tân Tây	30,0	0,0	0,0				30,0

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đầu năm 2008	Tổng mức điều chỉnh bổ sung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2007 sang	Trong đó		Mức điều chỉnh bổ sung lần này	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung
					Số 2007 chuyển nguồn sang 2008	Chuyển tạm ứng năm 2007 sang 2008		
II	Dự án tăng cường năng lực đào tạo nghề (CT MTQG)	800,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	800,0
1	Dự án mua sắm thiết bị đào tạo nghề thuộc chương trình MTQG tăng cường năng lực đào tạo nghề	800,0	0,0	0,0				800,0
III	Vốn sự nghiệp giáo dục	1.100,0	19,6	19,6	0,0	19,6	0,0	1.119,6
1	Xây dựng công tường rào, công trường, nhà vệ sinh Trường Tiểu học Sơn Thành Tây	150,0	0,0	0,0				150,0
2	Xây dựng văn phòng Trường tiểu học số 2 Hòa Mỹ Đông	300,0	0,0	0,0				300,0
3	Xây dựng 3 phòng học cấp 4 Trường tiểu học số 2 Hòa Bình 1	100,0	0,0	0,0				100,0
4	Tu sửa 4 phòng học Trường tiểu học số 1 Hòa Bình 1	50,0	0,0	0,0				50,0
5	xây dựng văn phòng Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	350,0	0,0	0,0				350,0
6	Xây dựng nhà xe, tường rào, nhà vệ sinh Trường THCS Phạm Văn Đồng	150,0	0,0	0,0				150,0
7	Xây dựng mới Trường tiểu học số 2 Hòa Đông		6,0	6,0		6,0		6,0
8	Xây dựng phòng giáo dục nghệ thuật Trường tiểu học số 1 Hòa Mỹ Tây		2,2	2,2		2,2		2,2
9	Xây dựng tường rào, cổng Trường Tiểu học số 3 Hòa Mỹ Đông		1,5	1,5		1,5		1,5
10	Xây dựng phòng thư viện Trường THCS Nguyễn Tất Thành		5,4	5,4		5,4		5,4
11	Xây dựng phòng thư viện Trường THCS Lê Hoàn		4,5	4,5		4,5		4,5